

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H; nơi cư trú: Thôn 5, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Thôn 5, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trịnh Thị H là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 02 năm 2004. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh T tại thôn 5, xã L, huyện T. Quá trình chung sống, chị và anh T thường hay phát sinh mâu thuẫn, nhưng đến tháng 5 năm 2022 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng trong sinh hoạt; vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xích mích nhau khiến cho cuộc sống chung trở nên ngột ngạt và căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Chị H và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2005; Nguyễn Xuân A, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2006

và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2006. Trường hợp ly hôn, chị H có đề nghị được trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Thị H và Nguyễn Xuân P; đề anh T trực tiếp nuôi con là Nguyễn Xuân A. Cấp dưỡng nuôi con do chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, song đến ngày mở phiên tòa anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; đề nghị giao hai con chung tên Nguyễn Thị H và Nguyễn Xuân P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Xuân A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Trịnh Thị H xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T

Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh T. Tài liệu xác minh tại gia đình và tại địa phương thống nhất thể hiện: Cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T có phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ đầu năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong sinh hoạt; vợ chồng xảy ra cãi vã, xích mích nhau nhiều lần. Gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, chị H giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn với anh Nguyễn Văn T do nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Tòa án tiến hành hòa giải và mở phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vợ chồng hiện nay đã không còn chung sống cùng nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn T có 03 chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2005; Nguyễn Xuân A, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2006 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2006. Khi ly hôn, chị H đề nghị để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Xuân A; chị trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị H và Nguyễn Xuân P. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Con chung tên Nguyễn Xuân A có nguyện vọng được ở cùng với bố là Nguyễn Văn T; hai con chung tên Nguyễn Thị H và Nguyễn Xuân P có nguyện vọng được ở cùng mẹ là Trịnh Thị H. Chị H là công nhân tại khu công nghiệp Vsip; anh T là lao động tự do tại địa phương, đều có thu nhập để thực hiện việc nuôi con.

Do vậy, căn cứ vào nguyện vọng của các con chung, điều kiện của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cho chị Trịnh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị H và Nguyễn Xuân P; giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân A.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Trịnh Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con; anh Nguyễn Văn T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, chị Trịnh Thị H khai không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, mặt khác không có lời khai của anh Nguyễn Văn T về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Trịnh Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2005 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 27

tháng 7 năm 2006; giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân A, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2006 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0008014 ngày 13/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lại Xuân, H. Thủy Nguyên;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 27/02/2004)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân